

Số: /KH-UBND

Ba Dinh, ngày tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn xã Ba Dinh năm 2026

Căn cứ Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23/4/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và ý kiến thống nhất của thành viên UBND xã; UBND xã ban hành Kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn xã Ba Dinh năm 2026, cụ thể như sau:

I. Thực trạng nghèo đến 31/12/2025 trên địa bàn xã

Theo Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND xã về việc công nhận danh sách Hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025; toàn xã có 2.015 hộ dân cư; trong đó 197 hộ nghèo/468 khẩu (*chiếm tỷ lệ 9,78 %*) và 130 hộ cận nghèo/408 khẩu (*chiếm tỷ lệ 6,45%*), tỷ lệ nghèo đa chiều là 16,23%; phần lớn hộ nghèo tập trung ở các thôn: Gò Khôn (*tỷ lệ 16,56%*), Kách Lang (*tỷ lệ 12,60%*), Đồng Dinh (*tỷ lệ 12,12%*), Ba Nhà (*tỷ lệ 11,66%*), Nước Lang (*tỷ lệ 11,37%*), Gò Ghèm (*tỷ lệ 10,96%*).

Về cơ cấu nhóm hộ, hộ nghèo là người dân tộc thiểu số có 186 hộ (94,42%); hộ nghèo không có khả năng lao động có 60 hộ (30,46%). Đối với hộ cận nghèo, phần lớn là hộ dân tộc thiểu số có 127 hộ (97,69%). Cơ cấu này cho thấy tình trạng nghèo tập trung chủ yếu tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và một phần là nhóm yếu thế, cần chính sách hỗ trợ đặc thù, kết hợp giữa phát triển sinh kế và bảo trợ xã hội lâu dài.

Về nguyên nhân nghèo (*08 nhóm nguyên nhân*): Đối với hộ nghèo: Thiếu vốn sản xuất, kinh doanh 76 hộ; không có lao động là 59 hộ; nguyên nhân khác (*thiên tai, rủi ro bất khả kháng, hoàn cảnh đặc thù*) 45 hộ; có người ốm đau, bệnh nặng 31 hộ; thiếu đất sản xuất 12 hộ; thiếu kỹ năng lao động, sản xuất 26 hộ. Đối với hộ cận nghèo: Thiếu vốn sản xuất, kinh doanh 79 hộ; nguyên nhân khác (*thiên tai, rủi ro bất khả kháng, hoàn cảnh đặc thù*) 29 hộ; không có kiến thức về sản xuất 19 hộ; có người ốm đau, bệnh nặng 13 hộ. Cơ cấu nguyên nhân phản ánh nghèo gắn chặt với hạn chế về năng lực lao động, vốn và khả năng chống chịu rủi ro.

Theo 12 chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản, hộ nghèo còn thiếu hụt cao ở các chỉ số: Bảo hiểm y tế 197 hộ (100%); nhà tiêu hợp vệ sinh 159 hộ (80,71%); sử dụng dịch vụ viễn thông 139 hộ (70,56%); phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin 122 hộ (61,93%); người phụ thuộc trong hộ 73 hộ (37,06%);

chất lượng nhà ở 49 hộ (24,87%); trình độ giáo dục của người lớn 43 hộ (21,83%);; dinh dưỡng 26 hộ (13,2%); diện tích nhà ở bình quân đầu người 20 hộ (10,15%). Đối với hộ cận nghèo, thiếu hụt trên mức trung bình chung của hộ cận nghèo, trong đó tập trung ở bảo hiểm y tế 130 hộ (100%); nhà tiêu hợp vệ sinh 68 hộ (52,31%); sử dụng dịch vụ viễn thông 55 hộ (42,31%); trình độ giáo dục của người lớn 51 hộ (39,23%); phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin 28 hộ (21,54%); chất lượng nhà ở (9,23%); diện tích nhà ở bình quân 10 hộ (7,69%); dinh dưỡng 9 hộ (6,92%).

Thực trạng trên cho thấy hộ nghèo của xã mang tính đa chiều, tập trung chủ yếu đến các hộ dân tộc thiểu số và nhóm hộ không có khả năng lao động; đồng thời nhiều hộ còn thiếu hụt nghiêm trọng ở các chỉ số bảo hiểm y tế, việc làm, điều kiện vệ sinh và tiếp cận thông tin. Cơ cấu nghèo không chỉ thiếu hụt về thu nhập mà còn thiếu hụt sâu về khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ xã hội cơ bản. Do đó, Kế hoạch thực hiện mục nghèo năm 2026 cần tập trung đồng thời vào hai trụ cột: (1) nâng cao năng lực tạo thu nhập và (2) giảm mức độ thiếu hụt từng chiều dịch vụ xã hội cơ bản theo nguyên nhân, nhóm đối tượng cụ thể; bảo đảm hỗ trợ đúng nhu cầu, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới.

II. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm 2026; phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu giảm nghèo được giao.

Phát huy tối đa và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030; lồng ghép với các chương trình, dự án và nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm và bền vững; hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo nâng cao thu nhập, từng bước vượt mức sống tối thiểu và giảm mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều.

2. Yêu cầu

Nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị; phát huy vai trò giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Tổ chức thực hiện đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; bám sát thực trạng phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo theo nguyên nhân nghèo, khả năng lao động và mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản đã được phê duyệt; bảo đảm hỗ trợ đúng đối tượng, đúng nhu cầu, tránh chồng chéo, dàn trải.

Đổi mới công tác tuyên truyền, vận động theo hướng khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, xác định người nghèo là chủ thể của quá trình giảm nghèo; lấy kết quả nâng cao thu nhập và cải thiện điều kiện sống của hộ nghèo làm thước đo hiệu quả.

Các phòng chuyên môn, đơn vị liên quan của xã căn cứ nguyên nhân nghèo, khả năng lao động và mức độ thiếu hụt của từng hộ tham mưu UBND xã xây dựng phương án hỗ trợ cụ thể, khả thi; tập trung vào các giải pháp tăng thu nhập và giảm thiểu hụt dịch vụ xã hội cơ bản nhằm bảo đảm kết quả giảm nghèo thực chất, bền vững.

Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực từ các chương trình, dự án; thực hiện kịp thời, đầy đủ các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo gắn với xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

III. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp giảm nghèo đa chiều, bền vững; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới; cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của hộ nghèo, hộ cận nghèo. Bảo đảm người nghèo được tiếp cận đầy đủ, kịp thời các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều (*y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin*); gắn giảm nghèo bền vững với xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Mục tiêu cụ thể

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo xã từ 9,78% (*cuối năm 2025*) xuống còn 5,02% vào cuối năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

- Chi tiết chỉ tiêu giảm nghèo đến từng thôn theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 10/01/2026 của UBND xã Ba Đình về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 (*chi tiết có Phụ lục đính kèm*).

IV. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền nhằm huy động cả hệ thống chính trị và toàn xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo

a) Nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương:

Phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền, xem công tác giảm nghèo là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên; tổ chức thực hiện các chỉ tiêu giảm nghèo đã được đưa vào nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phân công rõ trách nhiệm, cơ chế phối hợp giữa các ngành, đơn vị bảo đảm tính thống nhất.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn xã hội, huy động vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể trong tuyên truyền, vận động, giám sát; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút nguồn lực của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, cộng đồng dân cư tham gia hỗ trợ hộ nghèo; tiếp tục phát huy mạnh mẽ Phong trào thi đua của tỉnh và cả nước phát động.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương và triển khai chính sách giảm nghèo:

Thường xuyên tổ chức phổ biến, triển khai thực hiện nghiêm các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nghị quyết, chương trình, đề án của tỉnh về giảm nghèo đa chiều, bảo đảm an sinh xã hội; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo. Qua đó, phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền huy động sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trên địa bàn xã cùng chung tay thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

c) Huy động nguồn lực xã hội hóa:

Tăng cường tổ chức các phong trào thi đua, cuộc vận động vì người nghèo; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh vận động, huy động nguồn lực xã hội hóa từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài xã để hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo cải thiện điều kiện sống, nâng cao thu nhập và vươn lên thoát nghèo bền vững. Vận động các tổ chức kinh tế đăng ký hỗ trợ các thôn trên địa bàn xã; phối hợp xác định nội dung hỗ trợ cụ thể, bảo đảm công khai, minh bạch, sử dụng hiệu quả nguồn lực huy động.

d) Tăng cường quản lý nhà nước trong thực hiện chính sách giảm nghèo:

Các ngành chuyên môn, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động tổ chức thực hiện, hướng dẫn và kiểm tra việc triển khai các chương trình, dự án, chính sách giảm nghèo; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong quá trình thực hiện, bảo đảm chính sách được triển khai đúng quy định, đúng đối tượng, hiệu quả và minh bạch.

2. Nâng cao ý thức tự giác thoát nghèo của hộ nghèo, người nghèo

Tổ chức tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường và tinh thần tự giác vươn lên thoát nghèo của hộ nghèo, hộ cận nghèo; đổi mới nội dung, phương thức truyền thông về giảm nghèo bền vững phù hợp với từng địa bàn, nhóm đối tượng; tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, tín dụng ưu đãi; phát hiện, biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến và phong trào “tự nguyện đăng ký thoát nghèo”, góp phần từng bước xóa bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại.

3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo có khả năng lao động

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất, sinh kế và nâng cao thu nhập:

Tổ chức triển khai hỗ trợ phát triển sản xuất và đa dạng hóa sinh kế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và hộ đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia; ưu tiên các dự án liên kết sản xuất gắn với chuỗi giá trị, phát huy vai trò của doanh nghiệp, hợp tác xã và cộng đồng dân cư; khuyến khích ứng dụng khoa học - kỹ thuật, đổi mới phương thức sản xuất, phát triển sản phẩm chủ lực, đặc trưng địa phương; bảo đảm công khai,

minh bạch, đúng đối tượng, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn. Chủ động lồng ghép nguồn lực từ các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác có cùng mục tiêu, đối tượng trên địa bàn nhằm nâng cao thu nhập, tạo sinh kế bền vững cho người dân, tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực.

b) Hỗ trợ đào tạo nghề:

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng lao động nông nghiệp theo hướng hình thành đội ngũ nông dân có tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu; đồng thời tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và lao động là người dân tộc thiểu số gắn với nhu cầu của các tổ chức kinh tế và thị trường lao động, tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo với cơ sở sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết việc làm sau đào tạo. Đổi mới nội dung, chương trình và phương thức đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tạo việc làm bền vững.

c) Hỗ trợ giải quyết việc làm và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài:

Tổ chức triển khai các hoạt động phát triển thị trường lao động, tăng cường kết nối cung - cầu lao động thông qua các phiên giao dịch việc làm, tư vấn, giới thiệu việc làm cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và người dân tộc thiểu số; hỗ trợ người lao động tiếp cận thông tin thị trường lao động, chính sách việc làm và các nguồn vốn vay tạo việc làm theo quy định. Đồng thời, đẩy mạnh thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, ưu tiên lao động là người dân tộc thiểu số, hộ nghèo đăng ký thoát nghèo; thực hiện hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết và vay vốn tín dụng ưu đãi; triển khai hiệu quả các chương trình hợp tác lao động quốc tế, góp phần nâng cao thu nhập và tạo sinh kế bền vững cho người lao động.

d) Hỗ trợ tiếp cận tín dụng ưu đãi:

Triển khai hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng theo quy định; tạo điều kiện để người dân tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm và cải thiện đời sống. Phối hợp chặt chẽ giữa Ngân hàng Chính sách xã hội và các tổ chức chính trị - xã hội trong bình xét, xác nhận đối tượng vay vốn bảo đảm công khai, minh bạch; hướng dẫn hộ vay sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả, gắn với hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề và chuyển giao kỹ thuật nhằm nâng cao thu nhập, hạn chế nợ quá hạn và góp phần giảm nghèo bền vững.

4. Thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ xã hội cơ bản

Căn cứ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2025 theo Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND xã và danh sách quản lý hộ thiếu hụt các chỉ số dịch vụ xã hội cơ bản; tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời,

hiệu quả các chính sách hỗ trợ về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh và tiếp cận thông tin; bảo đảm hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều. Phấn đấu giảm đáng kể mức độ và tỷ lệ thiếu hụt các chỉ số dịch vụ xã hội cơ bản, thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội; từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của hộ mới thoát nghèo, hộ mới thoát cận nghèo, góp phần hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới. Trong đó tập trung vào các chiều thiếu hụt cơ bản như:

(1) *Chiều thiếu hụt về giáo dục và đào tạo*: Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ giáo dục đối với học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; tăng cường cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và điều kiện học tập phù hợp với địa phương. Đẩy mạnh phân luồng, định hướng nghề nghiệp; khuyến khích học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông tham gia học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng hoặc các chương trình đào tạo nghề gắn với nhu cầu thị trường lao động nhằm nâng cao cơ hội việc làm và thu nhập bền vững; đồng thời triển khai các hoạt động thuộc Chương trình “Cán bộ, chiến sỹ quân đội nâng bước em tới trường” và các mô hình hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, bảo đảm không để học sinh vì điều kiện kinh tế mà bỏ học.

(2) *Chiều thiếu hụt về y tế*: Tổ chức đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị cho trạm y tế xã nhằm nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe ban đầu, bảo đảm đạt các tiêu chí về y tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030. Triển khai đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng theo quy định của pháp luật. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh tại tuyến cơ sở; tăng cường chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; triển khai hiệu quả các chương trình dinh dưỡng, phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em. Phấn đấu đảm bảo 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận các dịch vụ y tế thiết yếu và hưởng đầy đủ chính sách hỗ trợ theo quy định, góp phần cải thiện sức khỏe và hạn chế tái nghèo do thiếu hụt về y tế.

(3) *Chiều thiếu hụt về nhà ở*: Tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của các Chương trình mục tiêu quốc gia; ưu tiên hộ nghèo là dân tộc thiểu số, khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu. Thực hiện hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở bảo đảm tiêu chuẩn diện tích tối thiểu, kết cấu bền vững, an toàn theo quy định; kịp thời hỗ trợ khắc phục nhà ở bị hư hỏng do thiên tai, hỏa hoạn hoặc sự cố bất khả kháng theo cơ chế hiện hành. Huy động, lồng ghép nguồn lực từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách nhà nước, nguồn vốn tín dụng chính sách, Quỹ phòng, chống thiên tai, nguồn xã hội hóa và sự đóng góp của gia đình, cộng đồng dân cư để nâng cao chất lượng nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổ chức rà soát, cập nhật tình trạng nhà ở, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, góp phần cải thiện điều kiện sống, phòng ngừa phát sinh nghèo và hạn chế tái nghèo do thiếu hụt về nhà ở.

(5) *Chiều thiếu hụt về nhà tiêu vệ sinh*: Hỗ trợ xây dựng, cải tạo nhà vệ sinh đạt chuẩn và công trình thu gom, xử lý chất thải phù hợp điều kiện địa

phương; tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức về sử dụng nước sạch và vệ sinh môi trường. Huy động, lồng ghép nguồn lực từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách nhà nước, nguồn vốn tín dụng chính sách, nguồn xã hội hóa và sự đóng góp của cộng đồng dân cư để nâng cao khả năng tiếp cận nước sạch và cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường cho hộ nghèo, hộ cận nghèo. Đối với hộ được hỗ trợ nhà ở, khuyến khích thực hiện đồng bộ công trình nước sạch và nhà vệ sinh nhằm giải quyết toàn diện các thiếu hụt, góp phần cải thiện điều kiện sống và hạn chế tái nghèo.

(6) *Chiều thiếu hụt về thông tin:* Tổ chức triển khai các giải pháp phát triển, nâng cấp hạ tầng thông tin, hạ tầng số, viễn thông và internet tại địa phương; duy trì, hiện đại hóa hệ thống truyền thanh cấp xã nhằm bảo đảm hộ nghèo, hộ cận nghèo và người dân tại vùng sâu, vùng xa, khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu được tiếp cận kịp thời thông tin thiết yếu theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia. Thực hiện đầy đủ chính sách viễn thông công ích; duy trì các điểm cung cấp thông tin công cộng và hỗ trợ nâng cao kỹ năng sử dụng internet, thiết bị thông minh, dịch vụ công trực tuyến cho người dân. Đổi mới phương thức truyền thông theo hướng tương tác hai chiều; thiết kế nội dung phù hợp đặc điểm văn hóa, ngôn ngữ của người dân tộc Hre. Thực hiện công khai, minh bạch kế hoạch, danh mục dự án, đối tượng thụ hưởng và kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân tại cơ sở; phát huy vai trò giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cộng đồng dân cư, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận thông tin chính sách và hạn chế thiếu hụt về thông tin của hộ nghèo, hộ cận nghèo.

5. Hỗ trợ khẩn cấp và phòng ngừa rủi ro nhằm hạn chế phát sinh nghèo, tái nghèo

Các phòng chuyên môn phối hợp với Trưởng thôn chủ động và thường xuyên rà soát, phát hiện sớm các hộ có nguy cơ rơi vào nghèo hoặc tái nghèo do thiên tai, dịch bệnh, tai nạn, bệnh nặng, hỏa hoạn và các rủi ro bất khả kháng khác để kịp thời áp dụng chính sách hỗ trợ khẩn cấp theo quy định; thực hiện đầy đủ chính sách trợ giúp xã hội và hỗ trợ khắc phục thiệt hại về nhà ở, sản xuất, đời sống. Đồng thời, lồng ghép thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế, tín dụng ưu đãi, đào tạo nghề, hỗ trợ sinh kế và dịch vụ xã hội cơ bản nhằm giúp hộ gia đình ổn định cuộc sống, nâng cao khả năng chống chịu rủi ro, không để phát sinh nghèo mới hoặc tái nghèo kéo dài. Thực hiện chính sách hỗ trợ đối với hộ mới thoát nghèo trong thời hạn 36 tháng theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Bên cạnh nguồn ngân sách nhà nước, chủ động huy động các nguồn lực hợp pháp từ tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư để hỗ trợ kịp thời, bảo đảm công khai, minh bạch và đúng đối tượng.

V. Nguồn lực thực hiện

Nguồn lực thực hiện Kế hoạch gồm ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án liên quan; ngân sách địa phương theo phân cấp; vốn tín dụng chính sách từ Ngân hàng Chính sách xã hội; nguồn lồng ghép từ các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; đồng thời huy động các nguồn lực xã hội hóa hợp pháp từ doanh nghiệp, tổ

chức, cá nhân và cộng đồng dân cư. Việc quản lý, sử dụng nguồn lực bảo đảm đúng quy định, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, không trùng lặp góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp giảm nghèo năm 2026.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Kinh tế

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm 2026 của địa phương. Chỉ đạo lập danh sách hộ dự kiến thoát nghèo theo từng thôn bảo đảm công khai, minh bạch, đúng thực chất; phân công trách nhiệm của từng cơ quan, thành viên UBND xã, trưởng các cơ quan, cán bộ trực tiếp theo dõi, hỗ trợ từng hộ và gắn trách nhiệm cụ thể với kết quả thực hiện.

- Tham mưu cấp ủy ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; xác định giảm nghèo là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của địa phương.

- Tổ chức rà soát, cập nhật và quản lý đầy đủ danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều; phân loại hộ theo nguyên nhân nghèo, mức độ khả năng lao động và mức độ thiếu hụt từng chiều dịch vụ xã hội cơ bản theo biểu mẫu rà soát do Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn hằng năm, làm căn cứ xây dựng phương án hỗ trợ phù hợp; chủ động theo dõi biến động thực tế của từng hộ, kịp thời phát hiện hộ có nguy cơ phát sinh nghèo hoặc tái nghèo để áp dụng chính sách hỗ trợ khẩn cấp theo quy định; thực hiện chính sách hỗ trợ đối với hộ mới thoát nghèo trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày được công nhận nhằm củng cố kết quả thoát nghèo, hạn chế tái nghèo.

- Kiện toàn, bố trí đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo bảo đảm tinh gọn, hiệu quả; tăng cường theo dõi, kiểm tra việc thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, chấn chỉnh sai phạm (nếu có).

- Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 bảo đảm chính xác, khách quan, công khai, minh bạch; tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm 2026 và báo cáo theo quy định.

- Theo dõi, đôn đốc các cơ quan liên quan và Trưởng các thôn thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch. Tổng hợp tình hình, đánh giá kết quả thực hiện; định kỳ tham mưu UBND xã báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Chủ trì triển khai các chính sách hỗ trợ giảm thiểu hụt chiều vệ sinh môi trường theo chuẩn nghèo đa chiều. Chủ trì triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; phối hợp rà soát nhu cầu, ưu tiên địa bàn có tỷ lệ thiếu hụt về vệ sinh cao.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa – Xã hội và các cơ quan, đơn vị có liên quan xét chọn, đề nghị Chủ tịch UBND xã, tỉnh khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn xã năm 2026.

- Chủ trì hướng dẫn và thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ

nghèo, hộ cận nghèo theo quy định; hướng dẫn, theo dõi việc hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở bảo đảm tiêu chuẩn diện tích, chất lượng và an toàn; phối hợp thực hiện hỗ trợ khắc phục thiệt hại về nhà ở do thiên tai, hỏa hoạn và rủi ro bất khả kháng; góp phần giảm thiểu hộ về nhà ở theo chuẩn nghèo đa chiều. Phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng tại các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn; chú trọng phát triển hạ tầng giao thông nông thôn.

- Chủ trì hướng dẫn và hỗ trợ phát triển ngành nghề, xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ sản phẩm, mở rộng thị trường cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; góp phần nâng cao thu nhập và tạo sinh kế bền vững.

- Chủ trì tham mưu bố trí kinh phí và lồng ghép kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

2. Phòng Văn hóa – Xã hội

- Chủ trì tham mưu và tổ chức thực hiện các chính sách về phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tăng cường kết nối cung - cầu lao động, cung cấp thông tin tuyển dụng, nhất là nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; chủ trì hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm bền vững cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân tại địa bàn đặc biệt khó khăn, dân tộc thiểu số; phối hợp theo dõi tình hình lao động để đề xuất giải pháp hỗ trợ phù hợp, ưu tiên nhóm hộ không có đất sản xuất, thiếu kỹ năng nghề nghiệp, người khuyết tật, phụ nữ và người cao tuổi, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống, giảm thiểu chỉ số thiếu hụt việc làm theo chuẩn nghèo đa chiều. Phối hợp với phòng Kinh tế trình Chủ tịch UBND xã, tỉnh khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn tỉnh năm 2026 đảm bảo theo quy định.

- Tham mưu đưa kết quả giảm nghèo vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của tập thể, cá nhân có liên quan; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu.

- Chủ trì, phối hợp lồng ghép thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc lĩnh vực hạ tầng số, viễn thông, internet, ứng dụng chuyển đổi số và nâng cao kỹ năng số cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; qua đó hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng thiết bị thông minh, dịch vụ số trực tiếp giảm thiểu chỉ số thiếu hụt thông tin theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Chủ trì hướng dẫn và triển khai các chính sách, dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách đặc thù đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các địa phương thực hiện đúng đối tượng, đúng địa bàn; phối hợp thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo tại vùng khó khăn.

3. Trạm Y tế: Chủ trì hướng dẫn và thực hiện chính sách bảo hiểm y tế đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; thực hiện chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên và hỗ trợ khẩn cấp theo quy định đối với đối tượng

yếu thế, hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế cơ sở; tăng cường chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và phòng, chống suy dinh dưỡng; phối hợp thực hiện các giải pháp phòng ngừa rủi ro, hạn chế phát sinh nghèo và tái nghèo.

4. Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công

- Chủ trì hướng dẫn và thực hiện các giải pháp về tiếp cận thông tin, truyền thông cơ sở; bảo đảm hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận đầy đủ thông tin chính sách và dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều. Tăng cường tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao nhằm nâng cao mức hưởng thụ văn hóa, đời sống tinh thần của Nhân dân, nhất là người nghèo.

- Chủ trì thực hiện hợp phần phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế nhằm hỗ trợ tăng thu nhập bền vững cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; lồng ghép nguồn lực từ các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án có liên quan.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động trực tiếp đến từng hộ gia đình, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

5. Văn phòng HĐND&UBND xã: Chủ trì hướng dẫn và thực hiện công tác trợ giúp pháp lý cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định; nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật của người dân.

6. Đề nghị Phòng Giao dịch Ngân hàng CSXH Ba Tơ

- Tạo điều kiện thuận lợi để các đối tượng thụ hưởng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi và các dịch vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Phối hợp tham mưu việc bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định. Đồng thời tăng cường theo dõi, kiểm tra chất lượng tín dụng, hướng dẫn sử dụng vốn hiệu quả gắn với phát triển sản xuất, tạo việc làm và nâng cao thu nhập, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và hạn chế tái nghèo trên địa bàn xã; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND xã để theo dõi, tổng hợp theo quy định.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, Nhân dân, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; vận động ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” và huy động các nguồn lực hợp pháp để hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo giảm thiểu hụt các chiều dịch vụ xã hội cơ bản, đồng thời hỗ trợ kịp thời các hộ có nguy cơ rơi vào nghèo hoặc tái nghèo do thiên tai, dịch bệnh, tai nạn, bệnh nặng, hỏa hoạn, mất việc làm và các rủi ro bất khả kháng khác; tăng cường tổ chức các phong trào thi đua, các cuộc vận động vì người nghèo, đẩy mạnh phong trào “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”, phát huy vai trò xung kích của đoàn viên, hội viên trong hỗ trợ sinh kế, cải thiện điều kiện sống và nâng cao

nhận thức của người dân; thực hiện giám sát việc triển khai chính sách giảm nghèo tại cơ sở theo quy định, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng và hiệu quả.

8. Trưởng các thôn

- Tổ chức lập danh sách hộ dự kiến thoát nghèo theo từng thôn bảo đảm công khai, minh bạch, đúng thực chất; danh sách các hộ có nguy cơ rơi vào nghèo hoặc tái nghèo do thiên tai, dịch bệnh, tai nạn, bệnh nặng, hỏa hoạn, mất việc làm và các rủi ro bất khả kháng khác; đề xuất giải pháp thực hiện giúp hộ nghèo thoát nghèo bền vững.

- Tham gia rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 bảo đảm chính xác, khách quan, công khai, minh bạch

9. Chế độ báo cáo

Theo nhiệm vụ được phân công, các cơ quan, đơn vị; Trưởng các thôn và đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này theo quy định, báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hàng quý (*trước ngày 18 tháng cuối quý*), 6 tháng (*trước ngày 18 tháng 6*), báo cáo năm (*trước ngày 12/12/2026*) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu về UBND xã (*qua phòng Kinh tế*) để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Văn phòng Đảng ủy;
- Các phòng, cơ quan trên địa bàn xã;
- Các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Phòng Giao dịch Ngân hàng CSXH Ba Tơ;
- Trưởng các thôn;
- Công TTĐT xã;
- Lưu: VT, PKT (pttd).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Nhung

PHỤ LỤC
CHỈ TIÊU GIẢM NGHÈO PHÂN THEO THÔN NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /5/2026 của UBND xã Ba Đình)

TT	THÔN	Kế hoạch giảm nghèo đến ngày 31/12/2026			
		Tổng số hộ	Số hộ nghèo (hộ)	Số hộ nghèo giảm	Tỷ lệ hộ nghèo (%)
	TỔNG CỘNG	2032	102	95	5,02
1	Gò Lê	114	4	2	3,51
2	Gò Ghềm	221	12	12	5,43
3	Kà La	291	9	10	3,09
4	Đồng Dinh	200	12	12	6,00
5	Nước Lang	213	12	12	5,63
6	Làng Măng	265	7	10	2,64
7	Kách Lang	245	16	15	6,53
8	Nước Lô	153	4	2	2,61
9	Ba Nhà	165	9	10	5,45
10	Gò Khôn	165	17	10	10,30